

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HS - PT

Ngày 29 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thi

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Sỹ Tiến

Ông Nguyễn Anh Sơn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 247/2020/TLPT-HS ngày 11/11/2020, đối với các bị cáo Trần Lê Ngọc T và Võ Biên Th do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 447/2020/HS - ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

*Bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: Trần Lê Ngọc T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/8/1988 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 7, phường Đội C, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công chức địa chính UBND phường Hồng S, thành phố V, tỉnh Nghệ An; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Trần Văn T, sinh năm 1958 và bà Lê Thị G, sinh năm 1962; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo con thứ hai; Chồng: Không có; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2020 đến ngày 11/11/2020 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn; có mặt.

2. Họ và tên: Võ Biên Th; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/5/1968 tại huyện Thanh Ch, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 7, phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V, tỉnh Nghệ An; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Võ Văn C, (chết) và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1928; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2020 đến ngày 11/11/2020 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn; có mặt.

*Các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị:*

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1957; nơi cư trú: khối 10, phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Hùng C, sinh năm 1982; nơi cư trú: khối 13, phường Quang Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 4381/QĐ-UBND về việc cho phép lập dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống Kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn (đoạn qua xã Hưng Đ) do Ủy ban nhân dân thành phố V làm chủ đầu tư. Quá trình khảo sát về trích lục bản đồ dự án kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn theo quyết định số 803/QĐ.UBND-CN ngày 20/3/2012 của UBND tỉnh Nghệ An, dự kiến sẽ thu hồi 7.144,4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trong số 25.361,8 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 và 4.428,4 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp trong số 19.518,6 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 02 thuộc xã Hưng Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về “Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” và Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì diện tích đất nông nghiệp của Hợp tác xã bị thu hồi để phục vụ việc thực hiện dự án sẽ được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Đất nông nghiệp do Hợp tác xã quản lý, sử dụng và đã giao khoán ổn định cho hộ gia đình xã viên sản xuất được quy định tại: Khoản 3, Điều 9, Quyết định số

04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An “Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chưa tổ chức giao đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai, mà đất nông nghiệp vẫn do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý và đã giao khoán ổn định cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng thì khi Nhà nước thu hồi đất việc bồi thường đất cho Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện theo quy định. Các hộ gia đình, cá nhân được Hợp tác xã nông nghiệp giao khoán sử dụng đất ổn định được hỗ trợ như các hộ gia đình, cá nhân giao đất ổn định theo quy định của Luật Đất đai”

- Đất có nguồn gốc đất là do xã viên đóng góp khi tham gia vào Hợp tác xã được quy định tại: Điểm c, khoản 11, điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất “Đất sử dụng có nguồn gốc hợp pháp từ hộ gia đình cá nhân” đã được hướng dẫn theo công văn số 4168/UBND.ĐC ngày 13/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có nội dung “Trường hợp Hợp tác xã đang sử dụng đất có nguồn gốc do xã viên Hợp tác xã đóng góp khi thực hiện hợp tác hóa nhưng hiện nay chưa thực hiện giao đất cho hộ gia đình, cá nhân ổn định lâu dài theo quy định của Luật Đất đai, khi Nhà nước thu hồi đất, Hợp tác xã được bồi thường về đất theo quy định tại điểm c, khoản 11, điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Việc giải quyết số tiền bồi thường về đất do Đại hội xã viên Hợp tác xã quyết định”.

- Ngoài ra, còn được bồi thường thêm phần chi phí đã đầu tư vào đất (nếu có), được quy định tại: Khoản 2, điều 12 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: “Tổ chức được Nhà nước cho thuê đất hoặc giao đất không phải nộp tiền sử dụng đất hoặc đã nộp tiền sử dụng đất bằng tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; nếu tiền chi phí đầu tư vào đất còn lại không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì tiền chi phí đầu tư này được bồi thường”.

Trên cơ sở đó UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 phân công nhiệm vụ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V: Trên cơ sở nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất; Xác minh về hộ khẩu, nhân khẩu cư trú tại nơi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ cung cấp trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập phương án trình phòng Tài nguyên môi trường, phòng Tài chính kế hoạch, phòng Quản lý đô thị thẩm định và trình Ủy ban nhân dân

thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình, cụ thể:

- + Tổng hợp, xây dựng kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chủ trì lập và trình các cấp, các ngành thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định;

- + Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- + Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp dân, niêm yết công khai kế hoạch chi tiết bồi thường, giải phóng mặt bằng, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các văn bản khác liên quan đến thu hồi đất. Hướng dẫn, giải đáp những ý kiến thắc mắc, góp ý của người bị thu hồi đất và nhân dân liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- + Niêm yết công khai và chuyển quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kèm phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt cho người bị thu hồi đất.

*Giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ có nhiệm vụ:*

- + Chủ trì phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động người bị thu hồi nhà đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và quyết định thu hồi đất của Nhà nước;

- + Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố: Điều tra, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ; tổ chức công bố, niêm yết công khai phương án về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật;

- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận các nội dung: Tình trạng sử dụng đất của người bị thu hồi đất, mục đích sử dụng đất, loại đất, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất; tài sản trên đất; Xác minh về hộ khẩu, nhân khẩu cư trú tại nơi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân;

- + Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

căn cứ vào Đối với diện tích thuộc thửa đất số 141 bị thu hồi do đây là đất do Hợp tác xã Đông V quản lý đang giao cho các xã viên sản xuất rau nên đủ điều kiện được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 là ao nước không giao khoán cho các xã viên. Vì vậy, để đủ điều kiện được hưởng bồi thường, hỗ trợ theo các trường hợp

nêu trên, Ban quản lý Hợp tác xã Đông V đã thống nhất với ông Lê Nhật Th, sinh năm 1969, trú tại xóm Vinh X, xã Hưng Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An (là xã viên Hợp tác xã Đông V) làm giả hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá giữa hợp tác xã Đông V với hộ ông Lê Nhật Th, thời gian nhận thầu từ ngày 20/7/2010 đến ngày 20/7/2013. Sau khi làm xong hợp đồng giả này, Ban quản lý Hợp tác xã Đông V đã cung cấp cho Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ để làm căn cứ xác định phần diện tích ao bị thu hồi đảm bảo điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Quá trình lập hồ sơ về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng liên quan đến thửa đất bị thu hồi, cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ không căn cứ vào hồ sơ địa chính, không xác minh cụ thể về thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 nhưng đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ ký công văn ngày 22/10/2012 xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất đối với thửa đất này không đúng thực tế là: *“thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 là đất nông nghiệp của Hợp tác xã Đông V quản lý, ký hợp đồng với hộ gia đình ông Lê Nhật Th để nuôi trồng thủy sản từ 20/7/2010 đến khi dự án thu hồi. Về nguồn gốc sử dụng đất: Là đất nông nghiệp do xã viên đóng góp khi vào Hợp tác xã (Hợp tác xã quản lý sử dụng liên tục từ trước năm 1980 cho đến nay) là tài sản chung của HTX”*. Căn cứ vào giấy xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ và hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá nói trên; quy định tại khoản 3, điều 9, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các văn bản pháp luật về đất đai có liên quan. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (Đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố V giao chịu trách nhiệm chính, phối hợp với Ban quản lý dự án kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng) đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố V lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 với nội dung: *“Thu hồi 7.144,4 m<sup>22</sup> đất nông nghiệp của hợp tác xã chưa giao khoán cho xã viên hiện tại Hợp tác xã đang cho ông Lê Nhật Th thầu nuôi cá từ năm 2010 đến nay. Về nguồn gốc sử dụng đất: Là đất nông nghiệp xã viên đóng góp khi vào hợp tác xã (hợp tác xã sử dụng liên tục từ năm 1980 cho đến nay) do đó khi thu hồi Hợp tác xã không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ một lần bằng giá trị đất nông nghiệp”*, cụ thể: hỗ trợ giá trị đất nông nghiệp cho Hợp tác xã Đông V khi thu hồi 7.144,4 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 số tiền 607.274.000 đồng (sáu trăm linh bảy triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng) và bồi thường diện tích mặt nước nuôi cá cho hộ ông Lê Nhật Th số tiền 35.722.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ngày 17/12/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V có Công văn số 51/TTPTQĐ đề nghị các Phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố V thẩm định phương án. Ngày 24/12/2012, Phòng Tài nguyên và môi trường Ủy ban nhân dân thành phố V có Công văn thẩm định số 839A/TNMT thể hiện nội dung: “*Hồ sơ sắp xếp lộn xộn, chủ yếu là giấy phôi tờ không có bản gốc hoặc bản y sao chứng thực; Hợp đồng nhận thuê hồ nuôi cá giữa Hợp tác xã Đông V với ông Lê Nhật Th không có bản gốc hoặc bản y sao chứng thực, có sự tẩy xóa về thời gian nhận thuê trong hợp đồng*” và đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất bổ sung, hoàn thiện các nội dung trên trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Tuy nhiên, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V không tiến hành bổ sung, xác minh theo yêu cầu của Phòng Tài nguyên và môi trường, tiếp tục tham mưu Công văn số 483b/PTQĐ ngày 24/12/2012, có nội dung “*Trung tâm phát triển quỹ đất đã bổ sung các nội dung theo yêu cầu*” trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án. Ngày 26/12/2012, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 7632/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án kênh thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn (Giai đoạn 1), đoạn qua xã Hưng Đ, thành phố V. Ngày 18/4/2013, Ủy ban nhân dân thành phố V tiếp tục ban hành Quyết định số 1568/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 7632/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 nội dung cơ bản như quyết định số 7632/QĐ-UBND, nhưng có bổ sung thêm nội dung diễn giải cụ thể số tiền bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng khi thu hồi thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07. Theo Quyết định này thì Hợp tác xã Đông V được hỗ trợ một lần về đất số tiền 607.274.000 đồng (*Sáu trăm linh bảy triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) và bồi thường mặt nước nuôi cá cho ông Lê Nhật Th số tiền 35.722.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền trên đã được Kho bạc nhà nước thành phố V chuyển cho Ban quản lý Hợp tác xã Đông V vào ngày 04/5/2013. Sau khi nhận tiền, Ban quản lý Hợp tác xã Đông V đã đem gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Hưng Đ cho đến khi bị phát hiện, thu hồi.

Năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố V nhận được nhiều đơn tố cáo của các xã viên Hợp tác xã Đông V về việc lập khống hồ sơ, đền bù sai quy định nên đã ban hành Quyết định số 6326/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 về việc thành lập Đoàn thanh tra xác minh các nội dung tố cáo. Qua công tác thanh tra, Ủy ban nhân dân thành phố V đã xác định việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 không đúng quy định của pháp luật, cụ thể: *Nguồn gốc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 do Hợp tác xã Đông V quản lý chưa giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân. Hợp đồng thuê đất giữa Hợp tác xã Đông V với hộ gia đình ông Lê Nhật Th đã hết thời hạn và đã thanh lý hợp đồng trước khi thực hiện dự án. Tại thời điểm thu hồi đất, thửa đất này đang bỏ hoang, không có tài*

sản trên đất. Căn cứ quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại thời điểm thực hiện dự án Kênh thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn thì thửa đất nêu trên không được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất. Do đó, việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng với số tiền 642.996.000 đồng liên quan đến thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 được phê duyệt tại Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 là không đúng quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ra Quyết định số 9618/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 để thu hồi lại toàn bộ số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho Hợp tác xã Đông V và hộ ông Lê Nhật Th như đã nêu trên. Ngày 08/01/2018, Ban quản lý Hợp tác xã Đông V đã chấp hành và nộp đầy đủ số tiền 726.970.000 đồng (bao gồm: 642.996.000 đồng tiền gốc và 83.974.000 đồng tiền lãi) vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố V. Ngày 29/01/2018, ông Lê Nhật Th đã nộp lại số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố V.

Trong quá trình điều tra, có cơ sở xác định: Căn cứ vào hồ sơ địa chính (sổ mục kê) lưu tại UBND xã Hưng Đ, thành phố V thể hiện thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 thuộc xã Hưng Đ, thành phố V có diện tích là 25361,8 m<sup>2</sup>; chủ sử dụng đất: "xã Hưng Đ". Theo bản đồ địa chính xã Hưng Đ, thành phố V được đo đạc năm 2001 thì thửa đất nêu trên là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 (do vẽ tỷ lệ 1/1.000), loại đất được thể hiện là đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu trên bản đồ Ao.o), diện tích đất là 25.361,8 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định hồ nước do HTX Đông V quản lý có một phần diện tích bị thu hồi (7.144,4 m<sup>2</sup>), có nguồn gốc như sau: Năm 1976, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định thành lập Hợp tác xã Đông V để trồng rau phục vụ địa bàn thành phố V. Các xã viên tham gia Hợp tác xã Đông V được huy động từ xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu; xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu; xóm Trinh Thắng, xã Vinh Hưng, thành phố V và một số hộ dân của xã Hưng Đ. Cùng thời gian đó, UBND TP V đã đào ao nước này để các xã viên HTX Đông V lấy nước tưới rau và nuôi cá tập thể. Từ năm 1995 đến tháng 7/2010, HTX Đông V ký hợp đồng cho một số cá nhân nhận thầu để nuôi cá (có thu tiền). Do đó, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 thuộc xã Hưng Đ, TP V do HTX Đông V quản lý và sử dụng. Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ xác nhận HTX Đông V được thành lập trên cơ sở sát nhập từ hai HTX Trinh Thắng và HTX Vinh Hưng theo Quyết định 236/QĐ/NN ngày 26/7/1976 của Ủy ban nông nghiệp Nghệ Tĩnh (chỉ lưu Quyết định photo, không có Quyết định gốc). Không có tài liệu nào thể hiện nguồn gốc đất của HTX Đông V là do xã viên đóng góp khi tham gia vào HTX (trong đó có thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7).

Bị cáo Trần Lê Ngọc T có Quyết định về phụ trách công tác địa chính tại xã Hưng Đ từ ngày 20/02/2012, đến ngày 05/4/2012 Ủy ban nhân dân thành phố V có Quyết định

bỏ nhiệm vào ngạch công chức. Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Trần Lê Ngọc T đã không thực hiện đúng các quy định trong việc xác nhận nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07, cụ thể: Hồ sơ địa chính lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ không thể hiện thửa đất số 90 tờ bản đồ số 7 chủ sử dụng đất là Hợp tác xã Đông V nhưng Trần Lê Ngọc T vẫn xác nhận do HTX Đông V quản lý và sử dụng; không trực tiếp tiến hành kiểm tra hiện trạng, không tiến hành xác minh nguồn gốc thửa đất bị thu hồi, không xác minh trên thực tế hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá của Hợp tác xã Đông V với ông Lê Nhật Th nhưng vẫn ký vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản lập phương án bồi thường, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 *“thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 là đất nông nghiệp của Hợp tác xã Đông V quản lý, ký hợp đồng với hộ gia đình ông Lê Nhật Th để nuôi trồng thủy sản từ 20/7/2010 đến khi dự án thu hồi. Về nguồn gốc sử dụng đất: Là đất nông nghiệp do xã viên đóng góp khi vào Hợp tác xã (Hợp tác xã quản lý sử dụng liên tục từ trước năm 1980 cho đến nay) là tài sản chung của Hợp tác xã”*. Việc Tú thiếu trách nhiệm trong quá trình tham mưu xác nhận sai về nguồn gốc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 dẫn đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 3, điều 9, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với thửa đất này là không đúng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 642.996.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Như vậy, Trần Lê Ngọc T đã thực hiện không đúng vai trò, trách nhiệm của công chức địa chính theo quy định pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố V được quy định tại điều 12, Quyết định số 04/2004/QĐ - BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và vi phạm điểm a, khoản 2, Điều 5 và khoản 2, khoản 4, Điều 13 Quyết định số 14/2011/QĐ - UBND ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V quy định về hoạt động trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố V.

Bị cáo Nguyễn Xuân Th nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 7 năm 2015, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đã không thực hiện đúng các quy định trong việc xác nhận nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng đất đối với thửa đất bị thu hồi, cụ thể: không kiểm tra Hồ sơ địa chính của thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, không chỉ đạo công chức địa chính xác minh nguồn gốc đối với thửa đất này, không chỉ đạo kiểm tra xác minh hợp đồng nhận thầu nuôi cá do Hợp tác xã Đông V cung cấp; không trực tiếp tiến hành kiểm



tra hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07. Nhưng đã ký vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 22/10/2012. Việc xác nhận sai về nguồn gốc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 dẫn đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V áp dụng cho việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 3, điều 9, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với thửa đất này là không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 642.996.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Nguyễn Xuân Th đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình được quy định tại: Điểm b, điểm c, khoản 4, điều 38 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Điểm a, khoản 2, Điều 5 và khoản 2, khoản 4 điều 13 Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V quy định về hoạt động trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố V.

Bị cáo Nguyễn Hùng C nguyên cán bộ hợp đồng Trung tâm phát triển quỹ đất Ủy ban nhân dân thành phố V (từ ngày 31/8/2012 đến ngày 20/12/2013) được phân công trực tiếp dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kênh thoát nước nước Nghi Kim - Nghi Vạn (đoạn qua xã Hưng Đ). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đã không thực hiện đúng các quy định khi tham mưu lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án, cụ thể: Nguyễn Hùng C đã không xuống trực tiếp để tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07, cụ thể không tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản như biên bản kiểm kê đất đai, tài sản lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 24/10/2012 đối với chủ hộ là ông Lê Nhật Th (BL 264); không tiến hành kiểm tra, xác minh hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá giữa Hợp tác xã Đông V và ông Lê Nhật Th, tự lập biên bản và đưa cho các thành viên liên quan ký xác nhận vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 24/10/2012 đối với thửa đất này. Nguyễn Hùng C đã tham mưu cho Võ Biên Th nguyên Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Ủy ban nhân dân thành phố V ký Công văn số 51/TTPTQĐ đề nghị các phòng liên quan thẩm định dự thảo phương án. Ngày 24/12/2012, phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn thẩm định số 839A/TNMT nêu rõ “*Đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất bổ sung, hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt*”. Tuy nhiên, Cường đã không thực hiện các yêu cầu theo kết quả thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường (kiểm tra lại hợp đồng nuôi cá có tẩy xóa) mà đã tham

mưu cho Võ Biên Th ký Công văn số 483b/PTQĐ ngày 24/12/2012, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kênh thoát nước nước Nghi Kim - Nghi Vạn. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt phương án theo Quyết định số 7632/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án kênh thoát nước Nghi kim, Nghi Vạn giai đoạn 1. Đến ngày 18/4/2013 Ủy ban nhân dân thành phố V có Quyết định số 1568/QĐ - UBND thay thế Quyết định số 7632 nội dung cơ bản giống với Quyết định số 7632 nhưng diễn giải chi tiết các đối tượng được hưởng chính sách bồi thường hỗ trợ và Quyết định này cũng xét từ đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại công văn số 483/PTQĐ ngày 24/12/2012. Việc Nguyễn Hùng C thực hiện không đúng các quy định, trình tự, thủ tục, thiếu trách nhiệm kiểm tra dẫn đến tham mưu lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 theo khoản 3, điều 9, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, không đúng quy định gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 642.996.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

Như vậy, Nguyễn Hùng C đã không thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại: Điểm k, điểm 1, khoản 1, Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và điểm a khoản 2 điều 5; điểm c, điểm d, khoản 2, điều 6 Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V quy định; khoản 2 Điều 55 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ.

Bị cáo Võ Biên Th nguyên Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Ủy ban nhân dân thành phố V, được giao nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn Nguyễn Hùng C lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kênh thoát nước nước Nghi Kim - Nghi Vạn (đoạn qua xã Hưng Đ). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Võ Biên Th đã không giám sát Nguyễn Hùng C trong công tác lập phương án, không trực tiếp tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07, không chỉ đạo xác minh hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá giữa Hợp tác xã Đông V với hộ ông Lê Nhật Th nhưng Thùy vẫn ký xác nhận vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản, ngày 24/10/2012 để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đối với thửa đất này; Khi phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn thẩm định số 839A/TNMT ngày 24/12/2012 nêu rõ “*hồ sơ còn thiếu các tài liệu chưa đầy đủ theo quy định đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất bổ sung, hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố V phê duyệt*”. Tuy nhiên, Thùy đã không chỉ đạo Nguyễn

Hùng C kiểm tra, bổ sung theo kết quả thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường nhưng vẫn ký Công văn số 483b/PTQĐ ngày 24/12/2012 đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kênh thoát nước nước Nghi Kim - Nghi Vạn. Việc, Võ Biên Th thực hiện không đúng các quy định, trình tự, thủ tục trong quy trình lập phương án, thiếu trách nhiệm kiểm tra cấp dưới dẫn đến tham mưu lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 theo khoản 3, điều 9, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 642.996.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Võ Biên Th đã không thực hiện đúng trách nhiệm của mình, quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 và điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V quy định về hoạt động trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố V; điểm k, điểm l, khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

Với nội dung trên, bản án Hình sự sơ thẩm số 447/2020/HS - ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360, điểm v, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, xử phạt Trần Lê Ngọc T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2020.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS xử phạt: Võ Biên Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn căn cứ các quy định của pháp luật tuyên xử Nguyễn Xuân Th 21(hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 42 tháng; Nguyễn Hùng C 21(hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 42 tháng về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2020 bị cáo Võ Biên Th viết đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 05/10 2020 bị cáo Trần Lê Ngọc T viết đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Lê Ngọc T giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho hưởng án treo. Bị cáo Võ Biên Th bổ sung nội dung đơn kháng cáo xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù của hai bị cáo, cho bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th đều xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, xét thấy: Lời khai của bị cáo Trần Lê Ngọc T và Võ Biên Th tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình xét xử sơ thẩm, điều tra, truy tố, phù hợp với chứng cứ thu thập được và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2012, Trần Lê Ngọc T nguyên là cán bộ địa chính xã Hưng Đ, Nguyễn Xuân Th nguyên là Chủ tịch xã Hưng Đ, Nguyễn Hùng C nguyên là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất, Võ Biên Th nguyên là Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V. Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ để thực hiện dự án xây dựng hệ thống kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn các đối tượng có hành vi thiếu trách nhiệm đã gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 642.996.000 đồng.

Đối với Trần Lê Ngọc T đã không thực hiện đúng các quy định trong việc xác nhận nguồn gốc, thời gian, diện tích sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 địa bàn xã Hưng Đ, cụ thể: Không căn cứ Hồ sơ địa chính lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ; không trực tiếp tiến hành kiểm tra hiện trạng, không tiến hành xác minh nguồn gốc thửa đất bị thu hồi, không xác minh trên thực tế hợp đồng nhận thầu hồ nuôi cá của Hợp tác xã Đông V với ông Lê Nhật Th nhưng vẫn ký vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản, lập phương án bồi thường, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng đất đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07 đất có tại xã Hưng Đ, thành phố V.

Đối với Võ Biên Th đã không giám sát kiểm tra Nguyễn Hùng C trong công tác lập phương án, không trực tiếp tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 90, tờ bản đồ số 07, không chỉ đạo xác minh hợp đồng giả nhận thầu hồ nuôi cá giữa Hợp tác xã Đông V với hộ ông Lê Nhật Th nhưng Thùy vẫn ký xác nhận vào biên bản kiểm kê đất đai, tài sản ngày 24/10/2012 lập phương án bồi thường

giải phóng mặt bằng đối với thửa đất này; Khi phòng Tài nguyên và Môi trường có Công văn thẩm định số 839A/TNMT ngày 24/12/2012 yêu cầu xác minh kiểm tra lại hồ sơ còn thiếu sót. Tuy nhiên, Thùy với chức trách nhiệm vụ được giao đã không chỉ đạo Nguyễn Hùng C kiểm tra, bổ sung theo kết quả thẩm định của phòng Tài nguyên và Môi trường nhưng vẫn ký Công văn số 483b/PTQĐ ngày 24/12/2012 đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kênh thoát nước nước Nghi Kim - Nghi Vạn.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm v, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Lê Ngọc T 27 (hai mươi bảy) tháng tù và Võ Biên Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo Trần Lê Ngọc T có cung cấp thêm tài liệu bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo Võ Biên Th không có tình tiết giảm nhẹ nào thêm. Xét thấy, do hành vi thiếu trách nhiệm của các bị cáo đã làm thiệt hại cho nhà nước số tiền 642.996.000 đồng, do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa án đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt do đó không thể giảm nhẹ thêm mức hình phạt cho hai bị cáo có kháng cáo như mong muốn.

Các bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự. Cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu, đều có nhân thân tốt, không bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Bị cáo Trần Lê Ngọc T có Quyết định về phụ trách công tác địa chính tại xã Hưng Đ từ ngày 20/02/2012, đến ngày 05/4/2012 Ủy ban nhân dân thành phố V có Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, mới làm việc được 08 tháng, kinh nghiệm công tác chưa có, chưa làm quen nắm vững địa bàn phụ trách. Bị cáo là mẹ đơn thân, một mình nuôi con nhỏ sinh năm 2013, có tình tiết giảm nhẹ mới giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện tội phạm Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét.

Bị cáo Võ Biên Th: Trong thời gian xảy ra vụ án đang học tại chức lớp lý luận chính trị cao cấp, kinh nghiệm làm việc chưa nhiều, tin tưởng cán bộ tham mưu trực tiếp, chịu trách nhiệm gián tiếp trong vụ án. Hậu quả thiệt hại đã được khắc phục, toàn bộ số tiền

642.996.000 đồng đã được thu hồi kịp thời hoàn trả cho nhà nước. Tại phiên tòa đại diện UBND xã Hưng Đ cho biết tình hình chính trị địa bàn ổn định, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Như vậy, chấp nhận giữ nguyên mức hình phạt tù và không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội cho hai bị cáo được hưởng án treo như Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hai bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360, điểm v, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Lê Ngọc T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” cho bị cáo hưởng án treo thử thách 54 (năm mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Lê Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường Đội C, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục Trần Lê Ngọc T trong thời gian thử thách. Gia đình Trần Lê Ngọc T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Trần Lê Ngọc T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360, điểm v, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Biên Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, cho bị cáo hưởng án treo thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Biên Th cho Ủy ban nhân dân phường Quán B, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Võ Biên Th.

Trong thời gian thử thách bị cáo nào cố ý vi phạm nghĩa vụ của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo nào thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Lê Ngọc T và bị cáo Võ Biên Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Tòa án nhân TP V
- VKSND TP V
- Cơ quan ĐTCA TP V
- Chi Cục THADS TP V
- Các bị cáo;
- UBND phường Đội C
- UBND phường Quán B
- Lưu HSVA, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thi**